

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGĐCK TP HCM**
(có thể sử dụng để công bố thông tin đồng thời đến UBCKNN và SGĐCK)

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM**

Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT VÀ Ô TÔ TRƯỜNG LONG**

Mã chứng khoán: **HTL**

Địa chỉ trụ sở chính: **Lô 46, Đường 3, KCN Tân Tạo, Quận Bình Tân, TP.HCM**

Điện thoại: **08 3 754 3188**

Fax: **08 3 754 3189**

Người thực hiện công bố thông tin: **Lã Thị Thanh Phương**

Địa chỉ: **Lô 46, Đường 3, KCN Tân Tạo, Quận Bình Tân, TP.HCM**

Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): **08 3 754 3188**

Fax: **08 3 754 3189**

Loại thông tin công bố 24 giờ 72 giờ bất thường theo yêu cầu định kỳ:

Nội dung thông tin công bố: toàn văn Báo cáo tài chính Quý 2 năm 2015 của Công ty CP Kỹ thuật & Ô tô Trường Long.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 20/07/2015 tại đường dẫn: <http://www.truonglong.com/quanhecodong.html>, của công ty.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

- Nội dung thông tin cần công bố và các tài liệu có liên quan

**Người đại diện theo pháp luật/
Người được ủy quyền công bố thông tin**
(Ký tên, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



P. GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH
Lã Thị Thanh Phương

*CÔNG TY CP KỸ THUẬT & Ô TÔ TRƯỜNG LONG
LÔ 46, ĐƯỜNG SỐ 3, KCN TÂN TẠO, BÌNH TÂN, TP.HCM
MST: 0301384695*

BÁO CÁO TÀI CHÍNH *QUÝ III/2015*



CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT VÀ Ô TÔ TRƯỜNG LONGĐịa chỉ: Lô 46, đường số 3, khu công nghiệp Tân Tạo, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II/2015

Công bố

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		394.569.067.890	291.779.216.793
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	58.711.305.646	71.438.742.406
1. Tiền	111		43.711.305.646	36.438.742.406
2. Các khoản tương đương tiền	112		15.000.000.000	35.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh(*)	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		70.711.939.172	67.391.216.095
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	49.635.376.278	47.714.665.886
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	17.170.438.283	16.355.069.943
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dự	134		-	-
5. Các khoản về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	5.666.442.611	4.578.850.266
7. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi(*)	137		(1.760.318.000)	(1.257.370.000)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		261.338.752.979	150.745.462.813
1. Hàng tồn kho	141	V.5	261.462.273.927	150.968.541.033
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(123.520.948)	(223.078.220)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.807.070.093	2.203.795.479
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6	2.736.418.048	1.386.984.842
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.070.652.045	816.810.637
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-



CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT VÀ Ô TÔ TRƯỜNG LONGĐịa chỉ: Lô 46, đường số 3, khu công nghiệp Tân Tạo, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II/2015**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		60.088.499.393	51.294.043.163
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn khác	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi(*)	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		50.527.922.167	49.708.973.176
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	21.355.480.971	20.094.848.166
<i>Nguyên giá</i>	222		39.333.733.302	36.429.264.302
<i>Giá trị hao mòn lũy kế (*)</i>	223	-	17.978.252.331	16.334.416.136
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế (*)</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	29.172.441.196	29.614.125.010
<i>Nguyên giá</i>	228		34.432.566.261	34.432.566.261
<i>Giá trị hao mòn lũy kế (*)</i>	229	-	5.260.125.065	4.818.441.251
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế (*)</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		7.700.485.889	40.000.000
1. Chi phí sản xuất kinh doanh dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.9	7.700.485.889	40.000.000
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.860.091.337	1.545.069.987
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.6	1.572.195.362	1.363.643.728
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		195.051.575	181.426.259
3. Thiết bị vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		92.844.400	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		454.657.567.283	343.073.259.956

310
CƠ
DO
HUA
RUON
AN T

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT VÀ Ô TÔ TRƯỜNG LONGĐịa chỉ: Lô 46, đường số 3, khu công nghiệp Tân Tạo, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II/2015**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		280.276.931.901	195.842.055.980
I. Nợ ngắn hạn	310		279.390.333.834	195.017.391.167
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	123.570.140.168	108.118.447.483
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		122.809.704.432	70.494.124.319
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11	17.089.690.650	7.479.177.792
4. Phải trả người lao động	314		7.410.761.439	5.162.364.908
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		82.393.117	630.542.114
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316			
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317			-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318			-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.12	3.060.361.418	637.091.885
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320			-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321			
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.13	5.367.282.610	2.495.642.666
13. Quỹ bình ổn giá	323			
14. Giao dịch mua bán trái phiếu chính phủ	324			
II. Nợ dài hạn	330		886.598.067	824.664.813
1. Phải trả dài hạn người bán	331			-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332			-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333	V.12	886.598.067	824.664.813
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334			-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335			-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336			-
7. Phải trả dài hạn khác	337			-
8. Vay và nợ cho thuê tài chính dài hạn	338			-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339			-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340			-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341			-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342			-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343			-
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		174.380.635.382	147.231.203.976
I. Vốn chủ sở hữu	410		174.380.635.382	147.231.203.976
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.14	80.000.000.000	80.000.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	411a			
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	411b			
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413			-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414			-
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415			-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416			-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417			-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418			-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419			-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420			-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.14	94.380.635.382	67.231.203.976
<i>LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước</i>	421a		32.108.236.432	4.771.853.100

0060
 CÔNG TY
 CỔ PHẦN
 KỸ THUẬT
 VÀ Ô TÔ
 TRƯỜNG
 LONG
 HỒ CHÍ MINH

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT VÀ Ô TÔ TRƯỜNG LONG

Địa chỉ: Lô 46, đường số 3, khu công nghiệp Tân Tạo, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II/2015

<i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>	421b	62.272.398.950	62.459.350.876
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	-	-
1. Nguồn kinh phí	432	-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433	-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	454.657.567.283	343.073.259.956

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 07 năm 2015

Người Lập Bảng


Đặng Thị Thanh Kiều



P. GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH
Lã Thị Thanh Phương



CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT VÀ Ô TÔ TRƯỜNG LONGĐịa chỉ: Lô 46, đường số 3, khu công nghiệp Tân Tạo, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II/2015**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH QUÝ II/2015**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay		Năm trước		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước		
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	545.784.890.778	122.503.043.359	788.532.936.840	227.646.579.943		
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	03		22.727.272	0	22.727.272	-		
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	545.762.163.506	122.503.043.359	788.510.209.568	227.646.579.943		
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	485.596.100.761	116.048.680.933	703.146.529.098	213.281.009.989		
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		60.166.062.745	6.454.362.426	85.363.680.470	14.365.569.954		
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	119.001.119	257.821.500	299.060.807	665.706.370		
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	195.658.442	193.471.464	263.577.848	466.767.112		
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		71.445.244	124.616.718	82.426.360	387.678.582		
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	6.753.258.480	3.933.889.659	13.061.031.861	7.450.640.448		
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	4.768.802.703	3.190.487.615	10.180.009.963	6.066.143.066		
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		48.567.344.239	(605.664.812)	62.158.121.605	1.047.725.698		
11. Thu nhập khác	31	VI.7	7.274.717.421	7.910.490.241	17.718.031.972	13.069.257.820		
12. Chi phí khác	32		2.415.423	-	2.501.923	-		
13. Lợi nhuận khác	40		7.272.301.998	7.910.490.241	17.715.530.049	13.069.257.820		
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		55.839.646.237	7.304.825.429	79.873.651.654	14.116.983.518		
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		12.327.396.827	1.945.370.094	17.614.878.020	3.221.269.548		
16. Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		13.625.316	2.310.258	13.625.316	2.310.258		
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		43.525.874.726	5.361.765.593	62.272.398.950	10.898.024.228		
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		5.441	670	7.784	1.362		

Người Lập Bảng



Dương Chí Thành Hiếu

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 7 năm 2015

TRƯỜNG LONG
CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT VÀ Ô TÔ
S.Đ.K.K.Đ. 41039066
HỒ CHÍ MINH TP. HỒ CHÍ MINH

GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH
Đà Thị Thanh Phương

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT VÀ Ô TÔ TRƯỜNG LONGĐịa chỉ: Lô 46, đường số 3, khu công nghiệp Tân Tạo, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II/2015**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**
(Theo phương pháp trực tiếp)
(Dạng đầy đủ)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM		
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		927.405.532.373	332.372.567.389
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	02		(818.261.295.614)	(352.865.460.535)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(17.982.829.575)	(7.804.435.471)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(660.129.957)	(3.527.103.434)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(11.672.945.107)	(3.314.247.144)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		45.343.128.012	56.251.661.559
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(70.137.627.412)	(27.935.792.976)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư	20		54.033.832.720	(6.822.810.612)
II Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(2.904.469.000)	(156.516.250)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH	22			
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	24			-
5. Tiền thu hồi tiền gửi/đầu tư ngắn hạn	25		20.000.000.000	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		215.099.657	147.765.036
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư	30		17.310.630.657	(8.751.214)
II Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của CSH	31			
2. Tiền chi trả vốn góp cho các CSH, mua lại CP của DN đã phát hà	32			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33			
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(33.536.931.337)	(24.782.820.932)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(30.534.968.800)	
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính	40		(64.071.900.137)	(24.782.820.932)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		7.272.563.240	(31.614.382.758)
<i>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi</i>			-	-
Tiền tồn đầu kỳ	60		36.438.742.406	42.270.420.266
Tiền tồn cuối kỳ	70		43.711.305.646	10.656.037.508

Người Lập Bảng


Đặng Thị Thanh Huyền

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 07 năm 2015

P. GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH
Lã Thị Thanh Phương

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT VÀ Ô TÔ TRƯỜNG LONG

Địa chỉ: Lô 46, đường số 3, Khu công nghiệp Tân Tạo, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh
Bản thuyết minh báo cáo tài chính quý 2 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ 2 NĂM 2015

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất và thương mại.
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Mua bán máy móc, thiết bị phụ tùng, xe ô tô, xe chuyên dùng và phụ tùng xe các loại. Đại lý ký gửi hàng hóa. Dịch vụ thương mại. Cho thuê xe các loại. Sửa chữa ô tô. Thiết kế, thi công, cải tạo đóng mới các loại phương tiện vận tải cơ giới đường bộ. Sản xuất xe chuyên dùng, gia công cơ khí. Bảo trì các phương tiện vận tải cơ giới đường bộ. Đại lý bảo hiểm.
4. **Nhân viên**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 Công ty có 239 nhân viên đang làm việc.
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015 Công ty có 320 nhân viên đang làm việc.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chế độ kế toán áp dụng**
Vào ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn về Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam ("Thông tư 200"). Thông tư 200 thay thế hướng dẫn trước đây về Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam theo Quyết định số 15/2006 QĐ/BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 ("Quyết định 15") và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009. Thông tư 200 áp dụng cho các kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 năm 2015.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn về Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam ("Thông tư 200") cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.
3. **Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT VÀ Ô TÔ TRƯỜNG LONG

Địa chỉ: Lô 46, đường số 3, Khu công nghiệp Tân Tạo, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Quý 2 năm 2015

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và được xác định như sau:

- Giá nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ và hàng hóa được tính theo giá bình quân gia quyền. Riêng đầu xe và thân xe được tính theo phương pháp thực tế đích danh.
- Giá trị sản phẩm dở dang bao gồm chi phí của đầu xe, thân xe, nguyên liệu trực tiếp, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung.
- Giá thành phẩm được tính theo phương pháp thực tế đích danh bao gồm chi phí của xe sau khi lắp đặt và chế tạo thân xe.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Tỷ lệ khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	03-25
Máy móc và thiết bị	03-10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06-08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03-05
Tài sản cố định khác	03

6. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT VÀ Ô TÔ TRƯỜNG LONG

Địa chỉ: Lô 46, đường số 3, Khu công nghiệp Tân Tạo, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Quý 2 năm 2015

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Quyền sử dụng đất là tiền thuê đất Công ty trả một lần cho nhiều năm và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất này được khấu hao theo thời hạn thuê đất từ 40 đến 50 năm.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao trong 5 năm.

7. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

8. Chi phí trả trước dài hạn

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ 2 năm.

9. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

10. Trích lập quỹ dự phòng trợ mất việc làm

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 tại Công ty. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là $\frac{1}{2}$ tháng lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí.

11. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

12. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả trong kỳ cổ tức được công bố.

13. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

12/10/2015

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT VÀ Ô TÔ TRƯỜNG LONG

Địa chỉ: Lô 46, đường số 3, Khu công nghiệp Tân Tạo, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Quý 2 năm 2015

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

14. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán thành phẩm

Doanh thu bán thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TẠI NGÀY 30 THÁNG 06 NĂM 2015

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	941.252.435	490.797.321
Tiền gửi ngân hàng	42.770.053.211	35.947.945.085
Các khoản tương đương tiền	15.000.000.000	35.000.000.000
Cộng	<u>58.711.305.646</u>	<u>71.438.742.406</u>

2. Phải thu của khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
a) Phải thu khách hàng ngắn hạn	47.120.636.278	45.199.925.886
b) Phải thu khách hàng dài hạn	2.514.740.000	2.514.740.000
c) Phải thu khách hàng là các bên liên quan	-	-
Cộng	<u>49.635.376.278</u>	<u>47.714.665.886</u>

3. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
d) Trả trước cho nhà cung cấp xe	13.476.295.255	11.448.396.830
e) Trả trước tiền thuê đất CN Miền Trung	-	600.000.000
f) Các nhà cung cấp khác	3.694.143.028	4.306.673.113
Cộng	<u>17.170.438.283</u>	<u>16.355.069.943</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT VÀ Ô TÔ TRƯỜNG LONG

Địa chỉ: Lô 46, đường số 3, Khu công nghiệp Tân Tạo, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Quý 2 năm 2015

4. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty cổ phần tư vấn dịch vụ thương mại địa ốc Hoàng Quân Mê Kông	384.913.311	384.913.311
Phải thu tiền thưởng, hỗ trợ từ nhà cung cấp	3.538.100.000	-
Tạm ứng	1.352.004.786	2.729.814.935
Ký quỹ, ký cược	115.000.000	170.344.400
Lãi dự thu	162.281.000	486.051.000
Phải thu bộ phận đăng ký xe	-	626.378.418
Phải thu ngắn hạn khác	114.143.514	181.348.202
Cộng	<u>5.666.442.611</u>	<u>4.578.850.266</u>

5. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hàng đi đường	59.124.418.176	-
Nguyên liệu, vật liệu	93.557.652.504	93.848.179.842
Công cụ, dụng cụ	50.831.243	26.082.048
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	76.496.591.862	42.993.531.703
Thành phẩm	32.230.512.142	14.098.227.440
Hàng hóa	2.268.000	2.520.000
Cộng	<u>261.462.273.927</u>	<u>150.968.541.033</u>

6. Chi phí trả trước

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
a) Ngắn hạn	<u>2.736.418.048</u>	<u>1.386.984.842</u>
- Chi phí văn phòng	2.180.018.307	835.919.721
- Chi phí Công cụ dụng cụ	556.399.741	551.065.121
b) Dài hạn	<u>1.572.195.362</u>	<u>1.363.643.728</u>
- Chi phí văn phòng	1.138.300.219	1.085.163.935
- Chi phí Công cụ dụng cụ	433.895.143	278.479.793

7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Tài sản cố định hữu hình khác</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá						
Số đầu năm	28.556.813.362	3.860.843.364	3.742.507.612	234.226.964	34.873.000	36.429.264.302
Mua sắm mới	-	551.001.727	2.353.467.273	-	-	2.904.469.000
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
Số cuối quý	<u>28.556.813.362</u>	<u>4.411.845.091</u>	<u>6.095.974.885</u>	<u>234.226.964</u>	<u>34.873.000</u>	<u>39.333.733.302</u>
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	11.341.362.441	2.959.050.794	1.815.017.760	184.112.141	34.873.000	16.334.416.136
Khấu hao trong kỳ	1.227.202.382	212.574.589	190.334.447	13.724.777	-	1.643.836.195
Số cuối quý	<u>12.568.564.823</u>	<u>3.171.625.383</u>	<u>2.005.352.207</u>	<u>197.836.918</u>	<u>34.873.000</u>	<u>17.978.252.331</u>

Giá trị còn lại

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT VÀ Ô TÔ TRƯỜNG LONG

Địa chỉ: Lô 46, đường số 3, Khu công nghiệp Tân Tạo, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Quý 2 năm 2015

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Cộng
Số đầu năm	17.215.450.921	901.792.570	1.927.489.852	50.114.823	-	20.094.848.166
Số cuối quý	15.988.248.539	1.240.219.708	4.090.622.678	36.390.046	-	21.355.480.971

8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	TSCĐ vô hình khác	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	34.008.726.392	340.496.480	83.343.389	34.432.566.261
Mua sắm trong kỳ	-	-	-	-
Số cuối kỳ	34.008.726.392	340.496.480	83.343.389	34.432.566.261
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	4.528.064.860	207.033.002	83.343.389	4.818.441.251
Khấu hao trong kỳ	406.873.506	34.810.308	-	441.683.814
Số cuối kỳ	4.934.938.366	241.843.310	83.343.389	5.260.125.065
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	29.480.661.532	133.463.478	-	29.614.125.010
Số cuối kỳ	29.073.788.026	98.653.170	-	29.172.441.196

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí dở dang bao gồm tiền thuê đất và xây dựng công trình: “Trung tâm Hino 3S” tại Chi nhánh Miền Trung

10. Phải trả cho người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a) Các khoản phải trả ngắn hạn		
Phải trả nhà cung cấp xe và phụ tùng xe	101.415.916.040	97.581.012.027
Phải trả nhà cung cấp Cầu Tadano	7.418.847.070	1.894.718.280
Phải trả nhà cung cấp khác	9.918.728.360	3.920.965.769
b) Các khoản phải trả dài hạn		
Phải trả tiền mua đất Vĩnh Long	4.816.648.698	4.721.751.407
c) Phải trả người bán là các bên liên quan	-	-
Cộng	123.570.140.168	108.118.447.483

11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Thuế GTGT	4.143.361.021	963.516.052
Thuế nhập khẩu	-	776.000
Thuế thu nhập doanh nghiệp	12.323.435.830	6.381.502.917
Thuế thu nhập cá nhân	622.893.799	133.382.823
Cộng	17.089.690.650	7.479.177.792

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT VÀ Ô TÔ TRƯỜNG LONG

Địa chỉ: Lô 46, đường số 3, Khu công nghiệp Tân Tạo, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Quý 2 năm 2015

12. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a) Ngắn hạn	3.060.361.418	637.091.885
Kinh phí công đoàn, Bảo hiểm xã hội	293.432.129	144.398.217
Cổ tức phải trả	812.751.800	11.008.000
Phải trả bên liên quan	1.224.000.000	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	730.177.489	481.685.668
b) Dài hạn	886.598.067	824.664.813
Trợ cấp mất việc làm	886.598.067	824.664.813

13. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong năm	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	1.113.161.220	2.498.374.035	165.000.000	3.446.535.255
Quỹ phúc lợi	1.382.481.446	624.593.509	86.327.600	1.920.747.355
Cộng	2.495.642.666	3.122.967.544	251.327.600	5.367.282.610

14. Vốn chủ sở hữu*Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư ngày 01/01/2015	80.000.000.000	67.231.203.976	147.231.203.976
Lợi nhuận trong kỳ	-	62.272.398.950	62.272.398.950
Trích lập các quỹ trong kỳ	-	(3.122.967.544)	(3.122.967.544)
Thù lao HĐQT	-	-	-
Thù lao Ban Kiểm soát	-	-	-
Chia cổ tức trong kỳ	-	(32.000.000.000)	(32.000.000.000)
Số dư đến ngày 31/03/2015	80.000.000.000	94.380.635.382	174.380.635.382

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH QUÝ 2/2015**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 2	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	788.532.936.840	227.646.579.943
Các khoản giảm trừ doanh thu	(22.727.272)	-
Doanh thu thuần (*)	788.510.209.568	227.646.579.943

(*) Doanh thu tăng trưởng 242 % so với cùng kỳ năm trước.

2. Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 2	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn bán hàng	703.146.529.098	213.281.009.989

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT VÀ Ô TÔ TRƯỜNG LONG

Địa chỉ: Lô 46, đường số 3, Khu công nghiệp Tân Tạo, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Quý 2 năm 2015

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 2	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	293.310.971	655.663.471
Doanh thu khác	5.749.836	4.947.530
Cộng	299.060.807	660.611.001

4. Chi phí tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 2	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	82.426.360	387.678.732
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	125.544.958	37.448.368
Khác	55.606.530	64.582
Cộng	263.577.848	425.191.682

5. Chi phí bán hàng

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 2	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	3.912.312.721	1.669.788.318
Chi phí CCDC, khấu hao tài sản cố định	468.228.490	308.566.215
Chi phí hoa hồng	3.769.905.676	901.077.786
Chi phí hội nghị khách hàng	792.217.633	523.111.021
Chi phí bán hàng khác	4.118.367.341	4.048.097.108
Cộng	13.061.031.861	7.450.640.448

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 2	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lương nhân viên	6.318.827.339	3.187.595.851
Chi phí CCDC, khấu hao tài sản cố định	1.185.854.766	1.256.989.618
Chi phí khác	2.675.327.858	1.621.557.597
Cộng	10.180.009.963	6.066.143.066

7. Thu nhập khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 2	
	Năm nay	Năm trước
Tiền thưởng từ nhà cung cấp	16.145.583.397	11.978.348.729
Tiền hỗ trợ từ nhà cung cấp	1.506.363.635	181.818.182
Tiền hỗ trợ đầu tư Trung tâm Hino 3S Đà Nẵng	-	909.090.909
Tiền hỗ trợ tổ chức hội nghị khách hàng	66.084.940	-
Cộng	17.718.031.972	13.069.257.820

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT VÀ Ô TÔ TRƯỜNG LONG

Địa chỉ: Lô 46, đường số 3, Khu công nghiệp Tân Tạo, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Quý 2 năm 2015

VII. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

- **Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt bao gồm : Các thành viên hội đồng quản trị và Ban giám đốc:**

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 2	
	Năm nay	Năm trước
Tiền lương BGD	854.620.810	638.265.604
Thù lao HĐQT & BKS	850.000.000	530.000.000
Cộng	1.704.620.810	1.168.265.604

- **Giao dịch với các bên liên quan khác**

Bên liên quan khác với Công ty chỉ có Sumitomo Corporation – cổ đông góp 20,95% vốn điều lệ.
(Theo danh sách cổ đông chốt ngày 29/05/2015)

Trong 6 tháng đầu năm 2015, Công ty đã chi Cổ tức cho Sumitomo Corporation là : 5.120.000.000(đ).

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Công ty với Sumitomo Corporation như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 2	
	Năm nay	Năm trước
Mua hàng hóa	3.688.349.180	2.155.155.980

Giá mua hàng hóa của Sumitomo Corporation là giá thỏa thuận.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 07 năm 2015



Đặng Thị Thanh Hiếu
Người lập





Lê Thị Thanh Phương
Phó Giám đốc điều hành

